

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/KDTM-ST
Ngày : 17 – 3 – 2020
“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ;

2. Ông Đoàn Văn Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2014/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2014 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 513/2019/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2020, Thông báo tiếp tục thời gian mở phiên tòa số 07/TB-TA ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* NHNN&PTNTVN. Địa chỉ trụ sở: Số 18 Trần Hữu Dực, phường MĐ, quận TL, Thành phố Hà Nội.

Người Đ diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Út, sinh năm 1973, là Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh. Theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2017 (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông PVH, sinh năm 1975, là chủ doanh nghiệp tư nhân Ba Liêm. Địa chỉ cư trú: Số 334, tổ 10, Ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà HTC, sinh năm 1952 (có mặt)

3.2. Bà HTPT, sinh năm 1984; (Vắng mặt)

3.3. Bà PTH, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

3.4. Bà PTO, sinh năm 1978; (Vắng mặt)

3.5. Ông NTB, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

3.6. Bà PTTh, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 334, tổ 10, Ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.

- 3.7. Bà PTHu, sinh năm 1973; (Vắng mặt)
3.8. Bà PTTr, sinh năm 1983; (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Số 01, khóm Xuân H1, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
3.9. Bà PTM, sinh năm 1966; (Vắng mặt)
3.10. Ông PVD, sinh năm 1962; (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú: Ấp BT, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang.
3.11. Ông PTĐ, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Số 769, Ấp BM, xã BM, huyện CP, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2014, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 23/9/2019, nguyên đơn NHNN&PTNTVN (viết tắt là Ngân hàng Nông nghiệp) trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

- Yêu cầu chủ dO nghiệp tư nhân Ba Liêm (viết tắt là DNTN Ba Liêm) là ông PVH và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong Hợp đồng tín dụng gồm: Bà HTC, bà HTPT, bà PTHu, bà PTO, bà PTTr, bà PTH, ông NTB và bà PTTh phải trách nhiệm liên đới thanh toán tiền nợ vay Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013; Hợp đồng tín dụng số: 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 và phải trả lãi kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả dứt nợ vay và nợ lãi.

Cụ thể tính đến ngày 17/3/2020 tiền gốc và tiền lãi phải trả như sau:

+ Vay gốc món 1: 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.931.222.222 đồng, lãi quá hạn là 674.975.000 đồng (Hợp đồng số: 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013).

+ Vay gốc món 2: Hiện còn 3.450.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.654.722.500 đồng, lãi quá hạn là 1.311.129.444 đồng (Hợp đồng số: 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013)

+ Yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay tín dụng trong các Hợp đồng thế chấp tài sản số: 03/2011/HĐTC-BT ngày 21/02/2011; Hợp đồng thế chấp số: 07/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; Hợp đồng thế chấp số: 08/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; Hợp đồng thế chấp số: 10/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; Hợp đồng thế chấp số: 06/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; Hợp đồng thế chấp số: 09/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013 để đảm bảo thi hành án.

Các tài sản thế chấp gồm:

- Đất thổ cư 303m² theo giấy chứng nhận số X 663822 cấp ngày 09/02/2004;
- Quyền sở hữu nhà kho diện tích 147,08m² giấy chứng nhận số 3947/CN.UB cấp ngày 29/10/2004;
- Đất màu 1.006m² giấy chứng nhận số AK 934184 cấp ngày 20/8/2008;
- Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008;
- Đất thổ cư 142m² giấy chứng nhận số Q240419 cấp ngày 04/11/1999;
- Quyền sở hữu nhà ở 224m² sổ nhà cấp ngày 01/09/1995;

- Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010;
- Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004;
- Đất 2L 7.151m² giấy chứng nhận số V 477122 cấp ngày 13/9/2002;
- Đất 2L 10.380m² giấy chứng nhận số X 759808 cấp ngày 17/11/2003;
- Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005;
- Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857078 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857053 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.084m² giấy chứng nhận số AB 857077 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857052 cấp ngày 18/10/2006.

- *Bị đơn ông PVH trình bày:* Cha mẹ ông H là ông PVL và bà HTC có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp tại chi nhánh huyện Châu Phú. Quá trình kinh doanh, ông PVL chết, hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, hiện ông H là chủ DNTN Ba Liêm và cam kết trả tiền cho Ngân hàng Nông nghiệp trong thời gian sớm nhất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HTC trình bày:* Thừa nhận DNTN Ba Liêm do ông PVL là chủ DNTN trong quá trình làm ăn có vay của Ngân hàng Nông nghiệp số tiền như Ngân hàng Nông nghiệp khởi kiện. Hiện ông Liêm đã chết, bà Ch sẽ cam kết thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng Nông nghiệp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà PTHu, bà PTO, bà PTTr trình bày:* Cam kết thanh toán tiền vay cho Ngân hàng Nông nghiệp trong thời gian sớm nhất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà PTH:* Không có văn bản trình bày ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NTB, bà PTTh trình bày:* Vợ chồng ông B, bà Thoa có cho vợ chồng ông PVL, bà HTC mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp số 01756/aF cấp ngày 17/11/2013 và số 01352/aF cấp ngày 13/9/2012 do ông B đứng tên với tổng diện tích là 17.531m² để thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp. Ông B có ý kiến là vợ con của ông PVL phải trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PVD, bà PTM trình bày:* Yêu cầu bà Ch và người thừa kế của ông PVL phải sang tên đúng thửa đất chúng tôi đã mua của bà Ch và ông Liêm nhưng chưa sang tên quyền sử dụng đất đối với thửa 2L diện tích 3.888m² giấy chứng nhận số 06702QSDĐ/aF ngày 24/9/2004, ông Liêm và bà Ch lại mang thửa đất của chúng tôi đã mua thế chấp ngân hàng và sang tên thửa đất khác cho chúng tôi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông PTĐ:* Không có ý kiến và không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp: Rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền vốn gốc là 850.000.000 đồng của khoản vay 4.300.000.000 đồng tại Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013. Chỉ yêu cầu buộc: Ông PVH – Chủ DNTN Ba Liêm và bà HTC, bà PTHu, bà PTO, bà PTTr, bà PTH (là những người

thừa kế của ông PVL) phải cùng có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền nợ của các Hợp đồng tín dụng tín đến ngày 17/3/2020 gồm:

- + Vay gốc món 1: 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.931.222.222 đồng, lãi quá hạn là 674.975.000 đồng (Hợp đồng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013).

- + Vay gốc món 2: Hiện còn là 3.450.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.654.722.500 đồng, lãi quá hạn là 1.311.129.444 đồng (Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013)

- + Đồng thời tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 18/3/2020 theo Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013, Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 cho đến khi thanh toán dứt nợ vay và nợ lãi.

- Yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm khoản vay tín dụng trong các Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐTC-BT ngày 21/02/2011; Hợp đồng thế chấp số 07/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; Hợp đồng thế chấp số 10/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; Hợp đồng thế chấp số 06/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013 để đảm bảo thi hành án. Các tài sản thế chấp còn lại gồm:

- + Đất thổ cư 303m² theo giấy chứng nhận số X 663822 cấp ngày 09/02/2004;
- + Quyền sở hữu nhà kho diện tích 147,08m² giấy chứng nhận số 3947/CN.UB cấp ngày 29/10/2004;

- + Đất màu 1.006m² giấy chứng nhận số AK 934184 cấp ngày 20/8/2008;

- + Đất thổ cư 142m² giấy chứng nhận số Q240419 cấp ngày 04/11/1999;

- + Quyền sở hữu nhà ở 224m² sổ nhà cấp ngày 01/09/1995;

- + Đất 2L 7.151m² giấy chứng nhận số V 477122 cấp ngày 13/9/2002;

- + Đất 2L 10.380m² giấy chứng nhận số X 759808 cấp ngày 17/11/2003;

- + Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857078 cấp ngày 18/10/2006;

- + Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857053 cấp ngày 18/10/2006;

- + Đất 2L 20.084m² giấy chứng nhận số AB 857077 cấp ngày 18/10/2006;

- + Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857052 cấp ngày 18/10/2006

- Bị đơn ông H (chủ DNTN Ba Liêm): Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HTC: Đồng ý trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và xin nợ lãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác: Vắng mặt.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án: Các đương sự hoàn toàn tự nguyện xác lập Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013; Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức Hợp đồng.

- Quá trình vay vốn, ông PVL là chủ DNTN Ba Liêm chết, ông PVH là con ông PVL là chủ DNTN sau khi ông Liêm chết, đồng thời thừa kế quyền và nghĩa vụ do chủ DN để lại, quá trình tiếp nhận DNTN Ba Liêm, bị đơn ông H không thực hiện đúng cam kết trả nợ vay cho Ngân hàng Nông nghiệp nên đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo Hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp là có cơ sở chấp nhận.

- Căn cứ vào Hợp đồng thì chủ DNTN Ba Liêm là ông PVL nhưng ông Liêm đã chết, ông PVH đứng tên chủ doanh nghiệp nên làm phát sinh nghĩa vụ của ông H và những người thừa kế của ông Liêm gồm: Bà HTC, bà PTHu, bà PTH, bà PTO, bà PTTr phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp tổng số tiền là 13.022.049.166 đồng (trong đó vốn vay là 5.450.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 17/3/2020 là 7.572.049.166 đồng) trong phạm vi di sản thừa kế mà họ được hưởng của ông PVL.

+ Vay gốc món 1 của Hợp đồng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013: Vay 2.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 1.931.222.222 đồng, lãi quá hạn là 674.975.000 đồng;

+ Vay gốc món 2 của Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013: Vay 3.450.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.654.722.500 đồng, lãi quá hạn là 1.311.129.444 đồng.

- Bị đơn ông PVH và những người thừa kế của ông Liêm gồm: Bà Ch, bà H2, bà Trang, bà H1, bà O còn phải chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013; Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp trên số dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 18 tháng 3 năm 2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ của các Hợp đồng tín dụng trên.

- Khi ký Hợp đồng tín dụng, ông PVL có thể chấp các tài sản gồm:

- + Đất thổ cư 303m² theo giấy chứng nhận số X 663822 cấp ngày 09/02/2004;
- + Quyền sở hữu nhà kho diện tích 147,08m² giấy chứng nhận số 3947/CN.UB cấp ngày 29/10/2004;
- + Đất màu 1.006m² giấy chứng nhận số AK 934184 cấp ngày 20/8/2008;
- + Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008;
- + Đất thổ cư 142m² giấy chứng nhận số Q240419 cấp ngày 04/11/1999;
- + Quyền sở hữu nhà ở 224m² sổ nhà cấp ngày 01/09/1995;
- + Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010;
- + Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004;
- + Đất 2L 7.151m² giấy chứng nhận số V 477122 cấp ngày 13/9/2002;
- + Đất 2L 10.380m² giấy chứng nhận số X 759808 cấp ngày 17/11/2003;
- + Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005;
- + Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011;
- + Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857078 cấp ngày 18/10/2006;

- + Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857053 cấp ngày 18/10/2006;
- + Đất 2L 20.084m² giấy chứng nhận số AB 857077 cấp ngày 18/10/2006;
- + Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857052 cấp ngày 18/10/2006.

- Để đảm bảo khoản vay, các bên đương sự xác lập Hợp đồng thế chấp tài sản. Việc thế chấp tài sản được thể hiện bằng văn bản, được công chứng, có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/3/2013, 21/02/2011 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Phú ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật đất đai. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp cho xử lý, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Tòa án đưa vào tham gia tố tụng, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Tòa án trình bày ý kiến là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Nếu họ có tranh chấp về tài sản thế chấp thì có quyền khởi kiện đối với người thừa kế của ông Liêm bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay là 850.000.000 đồng (của khoản vay 4.300.000.000 đồng), chỉ yêu cầu dư nợ còn lại là 3.450.000.000 đồng; rút lại yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp gồm : Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008; Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010; Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004; Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005; Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án được thụ lý giải quyết, trong thời hạn chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà PTH xuất cảnh ra nước ngoài nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn ông PVH vừa là chủ DNTN Ba Liêm cũng là hàng thừa kế thứ nhất của ông PVL; ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Phú tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về xác định pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Các bên đương sự xác Hợp đồng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013, Hợp đồng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013, nguyên đơn khởi kiện, vụ án được thụ lý ngày 09 tháng 12 năm 2014 vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 vẫn còn hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, thời điểm mở phiên tòa xét xử vụ án thì Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do vậy, căn cứ vào điểm e khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, giao dịch dân sự xảy ra trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết vụ án.

[1.4] Đối với người tham gia tố tụng: Qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay, Tòa án đã đưa ông NTB, bà Phạm Thị Thoa, ông PTĐ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng các ông bà không có ý kiến liên quan đến các tài sản thế chấp, không có yêu cầu độc lập trong vụ án đối với tài sản thế chấp mà ông bà đang quản lý. Do vậy, các ông bà nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản do ông bà đang quản lý thì có quyền yêu cầu khởi kiện đối với những người thừa kế của ông PVL bằng vụ kiện khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà PTM và ông PVD phần tài sản của ông bà đã được giải chấp nên không còn liên quan, không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông bà.

[1.5] Về thủ tục ủy quyền: Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Út, theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 12 năm 2017 là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.6] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 850.000.000 đồng của khoản vay 4.300.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013), đình chỉ yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp gồm : Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008; Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010; Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004; Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005; Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả vốn vay 2.000.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013 và vốn vay 3.450.000.000 đồng tại Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013, mục đích mua bán gỗ và sửa chữa nhà kho. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 13%/năm, lãi suất quá hạn tối đa bằng 150% lãi suất cùng loại. Hình thức thanh toán trả lãi 03 tháng/lần.

Xét thấy, các đương sự hoàn toàn tự nguyện xác lập Hợp đồng tín dụng và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức Hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 121, khoản 1 Điều 124; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng chủ DNTN Ba Liêm là ông PVL chết, người thừa kế là ông PVH tiếp tục duy trì hoạt động của dO nghiệp nên đã tiến hành đăng ký thay đổi chủ dO nghiệp theo quy định của Luật dO nghiệp theo giấy

chứng nhận đăng ký kinh doanh DNTN mã số doanh nghiệp 1600574583 (đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 27/5/2013). Do vậy, ông PVH là chủ DNTN Ba Liêm thì phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp. Việc bị đơn ông PVH và những người thừa kế của ông PVL đều thừa nhận khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp do ông PVL xác lập giao dịch, đồng ý trả nợ vay nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi hết hạn vay theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử công nhận Hợp đồng tín dụng giữa ông PVL – Chủ DNTN Ba Liêm (hiện nay là do ông PVH đứng tên Chủ DNTN Ba Liêm) và Ngân hàng Nông nghiệp là có thật và hợp pháp.

Quá trình vay vốn, chủ DNTN Ba Liêm vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp từ ngày 31/12/2014 đến nay. Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp thường xuyên nhắc nhở, tạo điều kiện cho chủ DNTN Ba Liêm thanh toán nợ nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại Hợp đồng tín dụng đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn chưa thanh toán dứt nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp.

Xét theo Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013 và Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 thì ông PVH là chủ DNTN Ba Liêm cũng là người thừa kế của ông PVL đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nợ. Do ông PVL chết nên hàng thừa kế của ông PVL được thừa kế tài sản của doanh nghiệp. Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu ông PVH (hiện là Chủ DNTN Ba Liêm) và người thừa kế của ông PVL gồm: Bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr cùng có trách nhiệm trả nợ vay và nợ lãi cho Ngân hàng Nông nghiệp tổng số tiền nợ (nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn) tính đến ngày 17/3/2020 là 13.022.049.166 đồng. Cụ thể:

- Vốn vay món 1: 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013.

- + Lãi trong hạn: 1.931.222.222 đồng

- + Lãi quá hạn: 674.975.000 đồng.

- Vốn vay món 2: 4.300.000.000 đồng, đã trả 850.000.000 đồng, nợ vốn vay hiện còn 3.450.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013.

- + Lãi trong hạn: 3.654.722.500 đồng

- + Lãi quá hạn: 1.311.129.444 đồng.

Do đó ông PVH là chủ DNTN Ba Liêm và người thừa kế tài sản của ông PVL vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi. Bị đơn ông H và người thừa kế của ông PVL phải có trách nhiệm liên đới trả nợ (trong phạm vi di sản thừa kế do ông PVL để lại) cho Ngân hàng Nông nghiệp là có cơ sở chấp nhận và phù hợp quy định của pháp luật.

- Đối với tiền lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013; Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013:

Ông PVH và người thừa kế của ông PVL gồm: Bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2020. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng

Nông nghiệp về lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trên là phù hợp nên được chấp nhận.

Như vậy, ông PVH và người thừa kế của ông PVL gồm: Bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTr phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng cộng tiền vốn và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Nông nghiệp đến hết ngày 17/3/2020 là 13.022.049.166 đồng. (Mười ba tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi sáu đồng). Đồng thời, còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013; Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp trên số dư nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 18/3/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ của các Hợp đồng tín dụng trên.

- Đối với yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp do ông PVL đã ký với Ngân hàng Nông nghiệp để đảm bảo khoản vay tín dụng. Khi ký Hợp đồng tín dụng, ông PVL có thể chấp các tài sản gồm :

- Đất thổ cư 303m² theo giấy chứng nhận số X 663822 cấp ngày 09/02/2004;
- Quyền sở hữu nhà kho diện tích 147,08m² giấy chứng nhận số 3947/CN.UB cấp ngày 29/10/2004;
- Đất màu 1.006m² giấy chứng nhận số AK 934184 cấp ngày 20/8/2008;
- Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008;
- Đất thổ cư 142m² giấy chứng nhận số Q240419 cấp ngày 04/11/1999;
- Quyền sở hữu nhà ở 224m² sổ nhà cấp ngày 01/09/1995;
- Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010;
- Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004;
- Đất 2L 7.151m² giấy chứng nhận số V 477122 cấp ngày 13/9/2002;
- Đất 2L 10.380m² giấy chứng nhận số X 759808 cấp ngày 17/11/2003;
- Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005;
- Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857078 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857053 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.084m² giấy chứng nhận số AB 857077 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857052 cấp ngày 18/10/2006.

Việc thế chấp các tài sản nêu trên được thể hiện bằng văn bản (các Hợp đồng thế chấp số 03/2011/HĐTC-BT ngày 21/02/2011; 07/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; 08/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; 10/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; 06/2013/HĐTC-TMT ngày 06/3/2013; 09/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013), được công chứng, có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 06/3/2013, 21/02/2011 được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Châu Phú ký giao dịch bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật đất đai. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tuy nhiên, các tài sản thế chấp gồm: Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008; Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010; Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004;

Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005; Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011. Các tài sản đã giải chấp xong và Ngân hàng Nông nghiệp rút lại yêu cầu xử lý tài sản này nên đình chỉ xét xử đối với các tài sản đã rút. Hội đồng xét xử chấp nhận đối với xử lý các tài sản thế chấp còn lại cho Ngân hàng gồm:

- Đất thổ cư 303m² theo giấy chứng nhận số X 663822 cấp ngày 09/02/2004;
- Quyền sở hữu nhà kho diện tích 147,08m² giấy chứng nhận số 3947/CN.UB cấp ngày 29/10/2004;
- Đất màu 1.006m² giấy chứng nhận số AK 934184 cấp ngày 20/8/2008;
- Đất thổ cư 142m² giấy chứng nhận số Q240419 cấp ngày 04/11/1999;
- Quyền sở hữu nhà ở 224m² sổ nhà cấp ngày 01/09/1995;
- Đất 2L 7.151m² giấy chứng nhận số V 477122 cấp ngày 13/9/2002;
- Đất 2L 10.380m² giấy chứng nhận số X 759808 cấp ngày 17/11/2003;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857078 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857053 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.084m² giấy chứng nhận số AB 857077 cấp ngày 18/10/2006;
- Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857052 cấp ngày 18/10/2006.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp. Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp yêu cầu giải quyết chi phí tố tụng theo quy định pháp luật. Tổng chi phí tố tụng cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 4.200.000 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông PVH và bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr trả lại cho nguyên đơn 4.200.000 đồng.

[2.4] Về ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú: Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 57.769.500 đồng đã nộp theo biên lai thu số: TU/2014/0000322 ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 121; Điều 122; Điều 124; Điều 128; khoản 2 Điều 137; Điều 290; khoản 1 Điều 302; khoản 1 Điều 305; Điều 323; Điều 342; Điều 343 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 471; khoản 1 Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 14 và khoản 16 Điều 4; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Khoản 1; điểm a khoản 3 Điều 167; khoản 3 Điều 188 của Luật đất đai 2013;

- Khoản 2 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 850.000.000 đồng của khoản vay 4.300.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013) và đình chỉ yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp gồm : Đất màu 972m² giấy chứng nhận số BK 257764 ngày 07/01/2008; Đất 2L 2.006m² giấy chứng nhận số BA 308686 cấp ngày 28/8/2010; Đất 2L 3.888m² giấy chứng nhận số AA 281826 cấp ngày 24/9/2004; Đất T, LnK 751m² giấy chứng nhận số AD 380431 ngày 14/11/2005; Xe ô tô tải 1.4 tấn giấy chứng nhận số 003874 cấp ngày 27/7/2011.

2. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNN&PTNTVN:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNN&PTNTVN đối với vốn vay và nợ lãi đến hết ngày 17/3/2020 là 13.022.049.166 đồng;

- Buộc bị đơn ông PVH là chủ DNTN Ba Liêm và người thừa kế của ông PVL gồm: Bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr phải có trách nhiệm liên đới thanh toán tổng cộng tiền vay và nợ lãi phát sinh đến hết ngày 17/3/2020 cho NHNN&PTNTVN tổng cộng là 13.022.049.166 đồng. (Mười ba tỷ, không trăm hai mươi hai triệu, không trăm bốn mươi chín ngàn, một trăm sáu mươi sáu đồng) trong phạm vi di sản thừa kế do ông PVL để lại.

- Bị đơn ông PVH và người thừa kế của ông PVL gồm: Bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr không trả nợ vốn gốc và lãi nêu trên thì phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 11/2013/HĐTD-BT ngày 27/02/2013; Hợp đồng tín dụng số 13/2013/HĐTD – BT ngày 06/3/2013 đã ký kết với NHNN&PTNTVN trên số dư nợ gốc chưa thanh toán tính từ ngày 18/3/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ của các Hợp đồng tín dụng.

- Nguyên đơn NHNN&PTNTVN có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú xử lý để phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số: số 03/2011/HĐTC-BT ngày 21/02/2011; 07/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; 10/2013/HĐTC-BT ngày 06/3/2013; 06/2013/HĐTC-TMT ngày 06/3/2013 đối với các tài sản thế chấp còn lại để đảm bảo thi hành án, gồm:

1. Đất thổ cư 303m² theo giấy chứng nhận số X 663822 cấp ngày 09/02/2004;
2. Quyền sở hữu nhà kho diện tích 147,08m² giấy chứng nhận số 3947/CN.UB cấp ngày 29/10/2004;

3. Đất màu 1.006m² giấy chứng nhận số AK 934184 cấp ngày 20/8/2008;

4. Đất thổ cư 142m² giấy chứng nhận số Q240419 cấp ngày 04/11/1999;

5. Quyền sở hữu nhà ở 224m² sổ nhà cấp ngày 01/09/1995;

6. Đất 2L 7.151m² giấy chứng nhận số V 477122 cấp ngày 13/9/2002;

7. Đất 2L 10.380m² giấy chứng nhận số X 759808 cấp ngày 17/11/2003;

8. Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857078 cấp ngày 18/10/2006;
9. Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857053 cấp ngày 18/10/2006;
10. Đất 2L 20.084m² giấy chứng nhận số AB 857077 cấp ngày 18/10/2006;
11. Đất 2L 20.000m² giấy chứng nhận số AB 857052 cấp ngày 18/10/2006..

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn ông PVH và bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr trả lại cho nguyên đơn NHNN&PTNTVN 4.200.000 đồng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn ông PVH, bà HTC, bà PTH, bà PTO, bà PTHu, bà PTTr cùng phải chịu 121.022.049 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. NHNN&PTNTVN được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 57.769.500 đồng đã nộp theo biên lai thu số: TU/2014/0000322 ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt Hợp lệ.

Trường Hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến Anh

